

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2007/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về bảo đảm kinh phí
cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Chỉ thị số 32/2005/CT-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ Thông tư số 109/2004/TTLT-BTC-BTP ngày 17/11/2004 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư số 111/1998/TT-BTC ngày 03/8/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập tin điện tử thuộc công nghệ thông tin; Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 79/2005/TT-BTC ngày 15/9/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 51/HĐND ngày 11/4/2007;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 01/TTr-STP ngày 09/01/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bảo đảm kinh phí cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài chính và các Sở, Ban ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về bảo đảm kinh phí cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11/2007/QĐ-UBND
ngày 27/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này nhằm bảo đảm kinh phí cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền của Sở Tư pháp và các Phòng Tư pháp huyện, thành phố (gọi chung là huyện); bảo đảm kinh phí cho công tác tự kiểm tra văn bản của Ban Pháp chế HĐND tỉnh, HĐND huyện, công tác tự kiểm tra văn bản của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và Ban Tư pháp xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã), cụ thể là:

a. Bảo đảm kinh phí cho công tác kiểm tra văn bản theo thẩm quyền của Sở Tư pháp đối với các hoạt động sau:

- Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các huyện sau khi ban hành gửi đến.

- Tổ chức, thành lập đoàn kiểm tra để trực tiếp kiểm tra văn bản tại HĐND và UBND các huyện định kỳ hàng năm theo sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc kiểm tra văn bản theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực và trong những trường hợp đột xuất khác.

b. Bảo đảm kinh phí cho công tác kiểm tra văn bản theo thẩm quyền của Phòng Tư pháp huyện đối với các hoạt động sau:

- Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các xã sau khi ban hành gửi đến.

- Tổ chức, thành lập đoàn kiểm tra để trực tiếp kiểm tra văn bản tại HĐND và UBND các xã định kỳ hàng năm theo sự phân công của Chủ tịch UBND huyện hoặc kiểm tra văn bản theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực và trong những trường hợp đột xuất khác.

Ngoài các hoạt động nêu trên, Sở Tư pháp và các Phòng Tư pháp còn được bảo đảm kinh phí kiểm tra văn bản khi thực hiện kiểm tra theo yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức và cá nhân phát hiện văn bản của cơ quan cấp dưới có dấu hiệu trái pháp luật.

c. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động tự kiểm tra, rà soát văn bản như sau:

- Hoạt động tự kiểm tra, rà soát văn bản của Ban Pháp chế đối với văn bản của HĐND cùng cấp.

- Hoạt động tự kiểm tra, rà soát văn bản của Sở Tư pháp đối với văn bản của UBND tỉnh, của Phòng Tư pháp đối với văn bản của UBND huyện và của Ban Tư pháp xã đối với văn bản của HĐND và UBND xã.

2. Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra tại Quy định này được đảm bảo kinh phí là những loại văn bản sau:

a. Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh, huyện, xã ban hành theo quy định.

b. Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh, huyện, xã do đơn vị, cá nhân không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ký ban hành.

c. Văn bản của HĐND và UBND tỉnh, huyện, xã có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Ban Pháp chế được chi từ ngân sách của HĐND, của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và Ban Tư pháp xã được chi từ ngân sách của UBND cùng cấp và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan.

2. Ngoài ra, công tác kiểm tra văn bản còn được nhận hỗ trợ từ các nguồn kinh phí viện trợ, tài trợ của Trung ương, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG VÀ CÁC MỨC CHI CHO CÔNG TÁC KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 3. Nội dung chi cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật bao gồm các nội dung chi sau đây:

1. Chi cho công tác kiểm tra văn bản:

a. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra văn bản, xử lý văn bản theo yêu cầu, kế hoạch kiểm tra.

b. Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản liên quan đến đối tượng kiểm tra; tổ chức, thành lập các đoàn kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực và trong những trường hợp đột xuất khác.

c. Chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý văn bản.

d. Chi lấy ý kiến chuyên gia, cộng tác viên: Trong trường hợp văn bản được kiểm tra thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp hoặc có dấu hiệu trái pháp luật thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kiểm tra quyết định việc lấy ý kiến chuyên gia hoặc cộng tác viên kiểm tra văn bản.

đ. Chi soạn thảo, viết báo cáo đánh giá kết luận về đợt kiểm tra văn bản.

2. Chi tổ chức đội ngũ cộng tác viên kiểm tra văn bản:

Căn cứ theo yêu cầu, nhiệm vụ của công tác kiểm tra văn bản, Trưởng Ban Pháp chế, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp được mời các cộng tác viên tham gia Đoàn kiểm tra văn bản hoặc lấy ý kiến của cộng tác viên. Nội dung chi cho đội ngũ cộng tác viên gồm:

a. Chi tổ chức họp cộng tác viên theo yêu cầu và kế hoạch công tác kiểm tra văn bản.

b. Chi thù lao cộng tác viên: Thù lao cộng tác viên được tính theo số lượng văn bản lấy ý kiến.

c. Chi thanh toán công tác phí cho cộng tác viên tham gia Đoàn kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực.

3. Chi tổ chức thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản:

a. Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý các thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản; trang bị sách, báo, tạp chí cần thiết theo yêu cầu của công tác kiểm tra để lập hệ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra văn bản.

b. Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản.

c. Chi trang bị hoặc nâng cấp trang thiết bị; tổ chức mạng lưới thông tin phục vụ cho việc xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu; duy trì, bảo dưỡng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả việc chi mua sắm phần cứng, phần mềm, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, dịch vụ khác); ứng dụng và phát

triển công nghệ thông tin vào công việc chuyên môn (bao gồm cả việc tin học hoá hệ cơ sở dữ liệu).

4. Chi cho các hoạt động khác liên quan đến công tác kiểm tra văn bản: công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức nghiên cứu khoa học về kiểm tra văn bản; tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra văn bản cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản và đội ngũ cộng tác viên; chi sơ kết, tổng kết, tổ chức hội thi về công tác kiểm tra văn bản và các hoạt động khác của công tác kiểm tra văn bản theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các mức chi cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

Các nội dung chi nêu tại Điều 3 của Quy định này được thực hiện theo đúng quy định về chế độ tiêu chuẩn, định mức chi tiêu hiện hành, cụ thể như sau:

1. Đối với các khoản chi có tính chất đặc thù trong việc kiểm tra, xử lý văn bản được áp dụng trực tiếp mức chi cụ thể:

a. Chi thù lao cộng tác viên: Chi 50.000 đồng/01 văn bản; đối với văn bản thuộc lĩnh vực chuyên môn phức tạp, mức chi: 100.000 đồng/01 văn bản.

b. Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý các thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản; trang bị sách, báo, tạp chí cần thiết cho việc lập hệ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra văn bản mà không có mức giá xác định sẵn thì được chi theo mức 30.000 đồng/01 tài liệu hoặc văn bản.

c. Đối với các khoản chi tạo lập hệ cơ sở dữ liệu (tạo lập thông tin điện tử trên mạng máy tính) phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản được chi như sau:

- Nhập dữ liệu có cấu trúc: Chi 80 đồng/mục trong biểu ghi (hay còn gọi là trường) và mức chi được tăng dần theo độ phức tạp của từng mục dữ liệu nhưng không quá 500 đồng trên một mục.

- Nhập dữ liệu phi cấu trúc: Mức chi 2.500 đồng/trang.

d. Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản: 50.000 đồng/01 văn bản.

đ. Chi lấy ý kiến chuyên gia trong trường hợp văn bản được kiểm tra thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp hoặc có dấu hiệu trái pháp luật: 200.000 đồng/01 báo cáo kiểm tra.

e. Chi thuê soạn thảo, viết báo cáo đánh giá kết luận về đợt kiểm tra văn bản: 200.000 đồng/01 báo cáo.

2. Đối với các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong tỉnh (bao gồm cả cộng tác viên tham gia đoàn kiểm tra); các khoản chi để tổ chức các

cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản và đội ngũ cộng tác viên được áp dụng theo các quy định hiện hành của UBND tỉnh và quy định của Trung ương.

3. Đối với các khoản chi khác như: Làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm... căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành và được người có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.

Điều 5. Lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

Hàng năm, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra văn bản căn cứ vào yêu cầu công tác để lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và tổng hợp chung trong dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan. Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Việc lập dự toán đối với các khoản chi trang bị hoặc nâng cấp các trang thiết bị; ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin vào công việc chuyên môn; tin học hoá hệ cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác phục vụ tổ chức mạng lưới thông tin của cơ quan kiểm tra văn bản được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ theo Quy định này và các quy định khác có liên quan sử dụng tiết kiệm, hợp lý, đúng chế độ và nội dung chi đã được phê duyệt dự toán ngân sách; các trường hợp vi phạm, gây lãng phí ngân sách Nhà nước sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn và giúp UBND tỉnh theo dõi việc triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị và cá nhân kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét điều chỉnh, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế